

Bản án số: 229/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2022

V/v tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Bà **ÂU THỊ THẢO**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **TRẦN VĂN NHU**

2. Ông **LÝ MINH HÙNG**

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông **BÙI QUỐC HIỂN** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.***

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **TRẦN ANH N**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp Lương N, xã Mỹ L, huyện CB, tỉnh T G.

2. *Bị đơn:* Chị **LÊ KIM T**, sinh năm 1994.

HKTT: ấp Lương N, xã Mỹ L, huyện C B, tỉnh T G.

Chỗ ở hiện nay: tổ 9, ấp H, xã Hòa H, huyện C B, tỉnh T G.

(Chị T, anh N có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Anh N trình bày:*

Anh và chị Lê Kim T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ L, huyện Cái B, tỉnh Tiền G. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau vợ chồng đã chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Con chung có một cháu tên Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 27/8/2018 hiện đang sống với chị T. Nay anh đồng ý giao cháu C cho chị T được tiếp tục nuôi

dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh Trần Anh N có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại tờ tự khai bị đơn chị Lê Kim T trình bày: Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Trần Anh N. Về con chung: Chị đồng ý tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 27/8/2018 và chị yêu cầu anh N cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***Về tố tụng:***

[1] Anh Trần Anh N và chị Lê Kim T có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị T là phù hợp theo quy định của pháp luật.

#### ***Về nội dung:***

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời trình bày của anh N có trong hồ sơ vụ án, anh N và chị T chính thức xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ L, huyện Cái B, tỉnh Tiền G. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng mất hạnh phúc và đã ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay anh cương quyết yêu cầu được ly hôn chị T. Xét thấy, cho anh N được ly hôn anh T là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm, chăm sóc con nhỏ. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án chị T cũng có văn bản thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh N nên cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị T không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Có 01 con chung tên Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 27/8/2018 hiện đang sống với chị T. Xét thấy, tiếp tục giao cháu C cho chị T nuôi là có cơ sở. Bởi lẽ, cháu C đã sống ổn định với chị T từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, anh N và chị T đều thống nhất giao con chung cho chị Lê Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng. Từ đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập của cháu nên tiếp tục giao cháu Trần Ngọc Bảo C cho chị

Lê Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Lê Kim T có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải thì anh Trần Anh N có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 27/8/2018 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được. Hội đồng xét xử xét thấy đây là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và việc anh N tự nguyện cấp dưỡng với mức cấp dưỡng cao hơn so với yêu cầu của bị đơn là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh N và chị T đều xác định không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có cơ sở.

[6] *Về án phí*: Anh Trần Anh N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

***Về quan hệ hôn nhân***: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Anh N. Cho anh Trần Anh N được ly hôn chị Lê Kim T.

***Về con chung***: Giao 01 con chung Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 27/8/2018 cho chị Lê Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Trần Anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 27/8/2018 với số tiền 1.000.000đồng/tháng. Thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh N chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

**Về án phí:** Anh Trần Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 0009845 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên anh N còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

**Về quyền kháng cáo:** Anh N và chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Mỹ L, huyện C B;
- Đương sự;
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ÂU THỊ THẢO**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè;
- Dương sự;
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ÂU THỊ THẢO**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi giờ phút, ngày 08 tháng 8 năm 2022

Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà **ÂU THỊ THẢO**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông.....

Ông.....

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 421/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **TRẦN ANH NGỌC**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp Lương Nhơn, xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **LÊ KIM THANH**, sinh năm 1994.

HKTT: ấp Lương Nhơn, xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: tổ 9, ấp Hòa, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Thanh, anh Ngọc có đơn xin vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Sau khi bàn bạc thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 (100%):

Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

*Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)*

**Xử:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Anh Ngọc. Cho anh Trần Anh Ngọc được ly hôn chị Lê Kim Thanh

*Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)*

**Về con chung:** Giao 01 con chung Trần Ngọc Bảo Châu, sinh ngày 27/8/2018 cho chị Lê Kim Thanh được trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Trần Anh Ngọc phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Ngọc Bảo Châu, sinh ngày 27/8/2018 với số tiền 1.000.000đồng/tháng. Thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Sau khi ly hôn, anh Ngọc có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Thanh có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Ngọc chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

*Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)*

**Về án phí:** Anh Trần Anh Ngọc phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Ngọc đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 0009845 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên anh Ngọc còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đồng.

*Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)*

**Về quyền kháng cáo:** Anh Ngọc và chị Thanh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

*Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)*

Nghị án kết thúc vào hồi....giờ....phút, ngày 08 tháng 8 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**









